KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

STT	Mã học phần	Tên học phần	TCHT	Ghi chú
1	321800	Điện tử cơ bản	3	
2	321104	Kỹ thuật số	3	
3	111125	Đại số tuyến tính	2	
4	921113	Giáo dục thể chất 1	1	
5	181132	ĐC về kinh tế và môi trường	2	
6	391100	Định hướng NN và nhận thức công nghệ	1	
7	341175	Thực hành điện tử cơ bản	2	
8	911602	Pháp luật đại cương	2	
9	921204	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	
10	921200	Thực hành giáo dục quốc phòng	3	
11	221171	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (1+1*)	2	
12	111126	Giải tích	3	
13	921114	Giáo dục thể chất 2	1	
14	911102	Triết học Mác - Lênin	3	
15	321525	Thực hành kỹ thuật số	2	
16	111127	Toán kỹ thuật Điện –Điện tử 1	3	
17	111128	Toán kỹ thuật Điện-Điện tử 2	2	
18	151100	Tiếng Anh tăng cường	4	
19	311251	Lý thuyết điều khiển tự động	2	
20	711170	Kỹ năng mềm	2	
21	341163	Kỹ thuật vi xử lý (2+1*)	3	
22	331121	Trang bị điện - điện tử (2+1*)	3	
23	391193	ĐAMH1(Cơ bản về điện, điện tử)	1	
24	121247	Vật lý kỹ thuật (3+1*)	4	
25	921115	Giáo dục thể chất 3	1	
26	911203	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
27	311433	Lý thuyết mạch 1	3	
28	331115	Điện tử công suất (2+1*)	3	
29	371136	Kỹ thuật đo lường - cảm biến (3+1*)	4	

30	151139	Tiếng Anh 1	2	
31	361202	ĐAMH 2 (TK, CT mạch & TB điện)	2	
32	911302	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
33	371101	Lý thuyết mạch 2	2	
34	342125	Kỹ thuật tương tự	3	
35	321325	TT Kỹ thuật tương tự	2	
36	351126	Xử lý tín hiệu và lọc số	3	
37	341120	Kỹ thuật vi xử lý nâng cao (1.5+0.5*)	2	
38	341157	Kỹ thuật xung - số (2+1*)	3	
39	151140	Tiếng Anh 2	3	
40	341190	ĐAMH 3 (ĐTCS & TĐĐ)	2	
41	342203	Thiết kế và chế tạo mạch điện tử (2*)	2	
42	911409	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
43	341104	Mạng và máy tính (2.5+0.5*)	3	
44	351106	Thông tin số (2.5+0.5*)	3	
45	341133	Thiết bị đầu cuối	2	
46	711136	Tâm lý học kỹ sư	2	
47	341129	ĐAMH Chuyên ngành 1	3	
48	331173	Thực tập điều khiển với PLC	2	
49	331134	Điều khiển với PLC	2	
50	911504	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
51	151141	Tiếng Anh 3	2	
52	341160	Lập trình C ứng dụng	2	
53	342204	Thực hành lập trình C ứng dụng	2	
54	342206	T/kế giao diện & ghép nối ngoại vi (2+1*)	3	
55	341128	Bảo trì thiết bị điện tử (*)	3	
56	341131	Thực tập doanh nghiệp	10	
57	321680	Hệ thống nhúng	2	
58	342205	TH Hệ thống nhúng	2	
59	341130	ĐAMH Chuyên ngành 2	3	
60	331180	Điều khiển khí nén, thủy lực (2+1*)	3	
61	341204	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	12	